

Bản án số: **226/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/6/2021

V/v: *TrA chấp hôn nhân và gia
đình*

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Kim ThA

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Bà Nguyễn Thị ThA Hậu

2. Bà Phạm Thị Mai A

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Liên – Thẩm tra viên Tòa
án nhân dân quận Nam Từ Liêm.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên
toà:** Bà Nguyễn Thị Kim Thơ - Kiểm sát viên.

Ngày 15/6/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Nam Từ Liêm, xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ
ngày 07/01/2021, về việc “*TrA chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định
đưa vụ án ra xét xử số 45/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021 và Quyết
định hoãn phiên toà số 60/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2021, giữa các
đương sự:

- Nguyên đơn: A Bùi Văn T, sinh năm 1975

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980

Cùng địa chỉ: Số nhà 381A, TDP số 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ
Liêm, thành phố Hà Nội. (*A T có mặt, chị H vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2020 và trong quá trình giải quyết, xét
xử, Nguyên đơn là A Bùi Văn T trình bày:*

Về tình cảm: A và chị Nguyễn Thị Hkết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm (nay là phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Sau một thời gian chung sống thì A chị xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống trái chiều, khiến vợ cH không thể hòa giải được. Mặc dù được hai bên gia đình và bạn bè hòa giải nhiều lần nhưng tình nghĩa vợ cH không còn. A chị đã ly thân từ cuối năm 2019 đến nay. Nay A xác định không còn tình cảm với chị H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho A được ly hôn với chị H để ổn cuộc sống.

Về con chung: Vợ cH Acó 01 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 04/04/2002, đã trưởng thành nên cháu được quyền tự quyết định cuộc sống của mình.

Về tài sản chung, công nợ chung: A T xác định vợ cH A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: A T tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về tình cảm: Chị H công nhận lời trình bày của A T về thời gian và điều kiện kết hôn của A chị là đúng. Nguyên nhân vợ cH mâu thuẫn là do A T ngoại tình với người phụ nữ khác. A chị đã ly thân từ tháng 12/2019 đến nay. Chị H cũng xác định không còn tình cảm với A T nữa, nhưng chỉ đồng ý ly hôn khi được chia tài sản chung của vợ cH.

Về con chung: Vợ cH chị có 01 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 04/04/2002, đã trưởng thành, hiện nay đang ở với mẹ.

Về công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ cH, gồm:

- Công ty TNHH TM ô tô Duy A trị giá 300.000.000 đồng.
- 01 xe nâng trị giá 120.000.000 đồng.
- 03 điều hòa (trong đó có 01 cái Daikin, còn 2 cái không nhớ) trị giá 15.000.000 đồng.
- 01 ô tô BKS 30F-44469 trị giá 350.000.000 đồng
- 01 xe tải BKS 29H-28486 trị giá 850.000.000 đồng.
- 01 xe máy Vision màu trắng BKS 29X5-56411 trị giá 25.000.000 đồng.

- 01 mảnh đất tại địa chỉ: Khu KoSy – Yên Thế, số 43 phố Hoàng Hoa Thám, thị trấn Cầu Gồ, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, hiện đang làm Auto T A, trị giá 250.000.000 đồng.
- 01 máy tính xách tay trị giá 20.000.000 đồng.

Tổng trị giá tài sản chung vợ chồng là 1.930.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- A T vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện. Về tình cảm, A đề nghị Tòa giải quyết cho A được ly hôn với chị H để sớm ổn định cuộc sống. Về con chung: Cháu Duy A đã trưởng thành, việc cháu ở với ai là quyền của cháu. Về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng: A T không yêu cầu Tòa án giải quyết. A tự nguyện chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng, đảm bảo quy định của pháp luật trong tất cả các quá trình từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa; Về phía các đương sự A T đã chấp hành đúng nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn là chị H chưa chấp hành nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng A T và chị H là do A T ngoại tình. Xét mâu thuẫn vợ chồng của A Dũng và chị H chưa đến mức trầm trọng nên đề nghị HĐXX bác đơn xin ly hôn của A T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có HKTT và ở tại TDP số 6, phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, nên TAND quận Nam Từ Liêm thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành đầy đủ thủ tục tố tụng và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là A Bùi Văn T có mặt, bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của A Bùi Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân:

A Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 23/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Phương, huyện Từ Liêm (nay là phường Xuân Phương, quận Nam Từ Liêm), thành phố Hà Nội, đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của các đương sự cùng các tài liệu Tòa án xác minh được có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa A Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H có mâu thuẫn trầm trọng, dẫn đến vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi không còn quan tâm đến nhau từ cuối năm 2019 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, chị H khai do A T ngoại tình nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị khẳng định chị không còn tình cảm vợ chồng với A T, nhưng chị không đồng ý ly hôn với A T. Chị H chỉ đồng ý ly hôn khi A T giải quyết xong về tài sản chung của vợ chồng. Nhưng chị H không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện thái độ không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Đối với quan điểm của đại diện VKSND quận Nam Từ Liêm: Do A T ngoại tình nên đề nghị HĐXX bác đơn xin ly hôn của A T đối với chị H.

HĐXX nhận thấy: Tòa án đã yêu cầu chị H cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, nhưng chị H chỉ nộp cho Tòa án 17 cái ảnh cắt từ Camera, ngoài ra chị không cung cấp được thông tin nào khác và cũng không có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ. Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng A T ở TDP số 6 Xuân Phương, Nam Từ Liêm, đại diện tổ dân phố cũng khẳng định các đương sự không có đơn thư trình báo với địa phương về mâu thuẫn vợ chồng nên địa phương chưa nắm được.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa A T và chị H là có thật và đã thật sự trầm trọng, cả hai bên đều không thực hiện các nghĩa vụ của vợ chồng, có đủ căn cứ về việc “vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Vì vậy, không chấp nhận đề nghị của VKS, có đủ căn cứ để chấp nhận đơn khởi kiện của A T, cho A T được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung*: Vợ cH A T, chị H có 01 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 04/04/2002, đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

- *Về tài sản chung*:

Do A T không đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy HĐXX không xem xét.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ cH. Chị H có nộp bảng kê khai tài sản chung của A chị (tại Bút lục số 38), tổng trị giá tài sản chung vợ cH là 1.930.000.000 đồng. Ngày 31/3/2021, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu chị H cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu của mình và nộp tạm ứng án phí dân sự đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ cH, nhưng chị H không nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh về yêu cầu của mình đồng thời chị không nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung, với lý do không có tiền để nộp. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết về yêu cầu chia tài sản chung vợ cH của chị, dành quyền khởi kiện cho chị H về yêu cầu chia tài sản chung vợ cH bằng vụ án khác khi có đầy đủ các tài liệu chứng cứ liên quan đến yêu cầu của mình.

- *Về công nợ chung*: A Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: A T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: A T và chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, 271, 273, 278 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của A Bùi Văn T. Cho A Bùi Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Vợ chồng A T, chị H có 01 con chung là Bùi Duy A, sinh ngày 04/04/2002, đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung:

A Bùi Văn T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Dành quyền khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng A T cho chị Nguyễn Thị H bằng vụ án khác.

4. Về công nợ chung: A Bùi Văn T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: A Bùi Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí A đã nộp theo biên lai số AA/2018/0021140 ngày 06/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. A T đã nộp đủ án phí.

6. Quyền kháng cáo: A Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Nam Từ Liêm,
- VKSND TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Nam Từ Liêm;
- Các đương sự;
- UBND P. Xuân Phương, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội (GCNKH số 69/2001, ngày 23/11/2001);
- Lưu HS, VP.

Phan Thị Kim ThA